TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST.
Ngày: 10-5-2019.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Ông Trần Văn Hổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: đường P, phường A, quận P, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê V – Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh B. Quyết định số 1094/QĐ-DA-PC ngày 21/6/2016.

2. Bị đơn: Doanh nghiệp tư nhân P do bà Bà Phạm Thanh N, sinh năm 1969, địa chỉ: khu phố A, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre làm chủ doanh nghiệp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1961. Địa chỉ: số 171C5, khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(Ông Vũ có mặt, bà N, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê V trình bày:

Bà Phạm Thanh N là chủ Doanh ngiệp tư nhân P có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre, các hợp đồng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 20H0051/1 ngày 07/4/2011 số tiền vay là 150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 08 tháng, lãi suất 20.5%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 22H0051/1 ngày 23/4/2011 số tiền vay là 270.000.000 đồng. Thời hạn vay là 08 tháng, lãi suất 20.5%/năm.

- Hợp đồng tín dụng số 19H0051/1 ngày 23/4/2011 số tiền vay là 400.000.000 đồng. Thời hạn vay là 08 tháng, lãi suất 20.5%/năm.

Mục đích vay của các hợp đồng tín dụng trên là bổ sung vốn kinh doanh .

Để đảm bảo cho các khoản vay của mình bà Phạm Thanh N đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre các tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số 0258/HĐTC ngày 04/6/20119 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0258A/HĐTC ngày 20/6/2011. Tài sản thế chấp gồm: Xem đào bánh xích; số khung: LW 6249; số máy: 912680; nhãn hiệu: KOBELCO; biển số: 71XA-0093.; xe ủi bánh xích, số khung: 71X 040001, số máy: 35340, nhãn hiệu: KOMATSU, biển số: 71XA-0126; xe lu bánh sát, số khung: 0129, số máy: 192855, nhãn hiệu: TACOM, biển số: 71SA-0039; xe ô tô tải ben, số khung: V 430119703, số máy: 0310003831, nhãn hiệu: JAC, biển số: 71T-7890.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0174/HĐTC ngày 06/02/2009. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ 05, diện tích 2.236,0m2 tọa lạc tại xã P, thành phố B do bà Phạm Thanh N đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0175/HĐTC ngày 06/02/2009. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ 05, diện tích 2.349,5m2 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thanh N đứng tên.

Trong qua trình vay vốn tại Ngân hàng, đến ngày 01/11/2018 bà Phạm Thanh N chỉ trả được các khoản như sau: nợ gốc 820.000.000 đồng, lãi trong hạn: 103.260.834 đồng; lãi quá hạn: 85.416.667 đồng. Tổng cộng là 1.008.677.501 đồng.

Do bà Phạm Thanh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/11/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre đã chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 01/11/2018, bà N còn nợ Ngân hàng Thương

mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre các khoản sau: nợ lãi trong hạn: 25.778.749 đồng; lãi quá hạn: 287.921.578 đồng. Tổng cộng là 313.700.327 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thanh N (Chủ doanh nghiệp tư nhân P) có trách nhiệm trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký tính đến ngày 01/11/2018 là 313.700.327 (ba trăm mười ba triệu bảy trăm nghìn ba trăm hai mươi bảy) đồng.

- Trường hợp bà Phạm Thanh N (Chủ doanh nghiệp tư nhân P) không trả số tiền trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên để thu hồi nợ vay.

- Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thanh N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bị đơn bà Phạm Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang T nhưng bà N và ông T đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến cũng như yêu cầu của bà N và ông T đồng thời không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa Ngân hàng và bà Phạm Thanh N có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng, do trong hợp đồng có ghi rõ bà N cư trú trên địa bàn thành phố Bến Tre nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý; đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa đều được tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Ngân hàng TMCP Đ và Doanh ngiệp tư nhân P do bà Phạm Thanh N làm chủ có ký kết các hợp đồng tín dụng: số 20H0051/1 ngày 07/4/2011; số 22H0051/1 ngày 23/4/2011; số 19H0051/1 ngày 23/4/2011. Các hợp đồng tín dụng nêu trên được ký tên và đóng dấu xác nhận trên tinh thần tự nguyện, phù hợp các

quy định của pháp luật nên các đồng tín dụng này có hiệu lực, làm phát sinh quyền và trách nhiệm của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Doanh ngiệp tư nhân P do bà Phạm Thanh N làm chủ không thực hiện đúng hợp đồng, cụ thể tính đến ngày 01/11/2018 bà Phạm Thanh N chỉ trả được các khoản như sau: nợ gốc 820.000.000 đồng, lãi trong hạn: 103.260.834 đồng; lãi quá hạn: 85.416.667 đồng. Tổng cộng là 1.008.677.501 đồng; còn nợ lại 313.700.327 đồng, gồm: nợ lãi trong hạn: 25.778.749 đồng; lãi quá hạn: 287.921.578 đồng.

Do Doanh ngiệp tư nhân P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi nợ đến hạn theo như các hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thanh Nguyệt, chủ Doanh ngiệp tư nhân P phải có trách nhiệm trả số tiền lãi tổng cộng là 313.700.327 đồng là có có sở nên được chấp nhận. Vì đây là tiền lãi nên Ngân hàng không yêu tiếp tục tính lãi đối với số tiền này.

[4] Để đảm bảo cho các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà Phạm Thanh N và ông Nguyễn Quang T (là chồng của bà N) đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Bến Tre các tài sản theo các hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp số 0258/HĐTC ngày 04/6/20119 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0258A/HĐTC ngày 20/6/2011. Tài sản thế chấp gồm: Xem đào bánh xích; số khung: LW 6249; số máy: 912680; nhãn hiệu: KOBELCO; biển số: 71XA-0093.; xe ủi bánh xích, số khung: 71X 040001, số máy: 35340, nhãn hiệu: KOMATSU, biển số: 71XA-0126; xe lu bánh sát, số khung: 0129, số máy: 192855, nhãn hiệu: TACOM, biển số: 71SA-0039; xe ô tô tải ben, số khung: V 430119703, số máy: 0310003831, nhãn hiệu: JAC, biển số: 71T-7890.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0174/HĐTC ngày 06/02/2009. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 267, tờ bản đồ 05, diện tích 2.236,0m2 tọa lạc tại xã P, thành phố B do bà Phạm Thanh N đứng tên.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 0175/HĐTC ngày 06/02/2009. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 418, tờ bản đồ 05, diện tích 2.349,5m2 tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thanh N đứng tên.

Do đó, trong trường hợp bà Phạm Thanh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

[5] Theo quy định tại Điều 183 Luật Doanh nghiệp thì *"Doanh ngiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp*". Do bà Phạm Thanh N là

chủ Doanh nghiệp tư nhân P, nên trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[6] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 15.685.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 351, 352 Bộ luật dân sự; Điều 306, 317 và Điều 319 Luật thương mại; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Buộc bà Phạm Thanh N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân P phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 01/11/2018 là 313.700.327đ (Ba trăm mười ba triệu, bảy trăm nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng).

Trường hợp bà Phạm Thanh N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ với bà Phạm Thanh N và ông Nguyễn Quang T để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ thì bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: bà Phạm Thanh N phải nộp 15.685.000đ (Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre phải hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.842.500 (Bảy triệu tám bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000861 ngày 04/01/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Thi